

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2025/DSST

Ngày: 26 - 3 - 2025

“ V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Hiền.

Caùc hoäi thaâm nhaân daân :

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý;
2. Ông Phạm Ngọc Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Trần Võ Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **212/2024/TLST - DS ngày 04 tháng 10 năm 2024** về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXX-ST ngày 12/02/2025

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thu O, sinh năm 1977

Địa chỉ: E T, phường L, TP ., Bình Định

*** Bị đơn :** Anh Phạm Văn H, sinh năm 1967

Địa chỉ: A A, phường B, thành phố Q, Bình Định

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hồ Hoàng K, sinh năm 1969

Địa chỉ: E T, phường L, TP ., Bình Định

Đại diện theo uỷ quyền của anh K: Chị Trần Thị Thu O (Theo văn bản uỷ quyền ngày 11/11/2024)

2. Chị Nguyễn Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1967

Địa chỉ: A A, phường B, thành phố Q, Bình Định

(Chị T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị Thu O trình bày: Ngày 14/11/2001 vợ chồng anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Lê Thị Mỹ T đến mượn vợ chồng chị O 10 cây vàng, trong đó gồm 5 cây vàng 9999 và 5 cây vàng 97% Ngọc Thiện P, khi mượn có viết giấy mượn vàng, anh H ký tên, không có lãi suất, mục đích mượn để làm ăn kinh doanh, thời hạn trả đến cuối năm 2002 nhưng đến cuối năm 2002 anh H vẫn không trả như đã hẹn.

Từ năm 2003 đến năm 2006 anh H có trả cho chị O nhiều lần bằng tiền mặt quy ra theo thời giá tại thời điểm lúc đó là trả được 5 cây vàng 97% N, còn lại 05 cây vàng 9999 anh H, chị T chưa trả. Từ thời gian đó đến nay chị O đã nhiều lần yêu cầu anh H trả số vàng còn lại nhưng anh H nói đang khó khăn trong việc kinh doanh nên cứ hẹn.

Lần cuối cùng vào ngày 31/5/2024, chị O có gọi điện và nhắn tin yêu cầu vợ chồng anh H trả 05 cây vàng 9999 nhưng anh H nói đã trả hết rồi và không chịu trả. Nay chị O yêu cầu anh H, chị T trả cho chị 5 cây vàng 9999 N, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản khai ngày 28/10/2024 và các lời khai tiếp theo anh Phạm Văn H trình bày:

Anh H và chị O có quan hệ bà con nên ngày 14/11/2001 anh H có mượn vợ chồng chị O 5 cây vàng 9999 và 5 cây vàng 97% Ngọc Thiện P để mua xe tải kinh doanh, khi mượn có viết giấy mượn và hẹn sang năm 2002 sẽ trả để vợ chồng chị O mua nhà.

Đến cuối năm 2002 do thu hồi tiền chưa đủ nên anh đem 5 cây vàng 97% xuống trả cho chị O, lúc đó chị O yêu cầu anh đưa thêm tiền cho đủ 5 cây vàng 9999 để chị O nộp thuế nên anh đưa thêm tiền quy ra đã trả 5 cây vàng 9999. Còn nợ lại 05 cây vàng 97%, sau đó khoản năm 2006 đến năm 2007 anh trả cho chị O 3 cây vàng 97%, đến năm 2008 anh trả tiếp cho chị O 2 cây vàng 97% nữa là hết nợ.

Do chỗ bà con là chị em trong nhà nên khi trả anh không yêu cầu viết giấy và cũng do anh đã trả 03 lần nên không nhớ lấy lại giấy mượn vàng.

Nay chị O khởi kiện yêu cầu anh H, chị T trả số vàng còn lại là 05 cây vàng 9999 N, anh H không chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay anh H vaếng mặt laàn thòu hai khoang còu lỳu do.

- *Đại diện theo uỷ quyền của anh Hồ Hoàng K – chị Trần Thị Thu O trình bày:* Anh K thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của chị O, không có ý kiến khác.

- *Tại bản khai 08/11/2024 Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Lê Thị Mỹ T trình bày:* Chị T là vợ của anh Phạm Văn H kết hôn năm 1989, thời gian qua anh H có vay của chị O như thế nào chị không hay biết, việc vay mượn để làm gì chị cũng không biết, sau khi vay trả như thế nào cũng không liên quan đến chị. Nay chị O khởi kiện chị và anh H trả 5 cây vàng 9999, chị yêu cầu Toà giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì sức khoẻ chị không tốt nên xin Toà giải quyết và xét xử vắng mặt.

+ Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã tiến hành thụ lý, xác định quan hệ pháp luật, xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hoà giải, tổng đạt thông báo thụ lý, Thông báo hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự : Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật TTDS; Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự được quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật TTDS.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều **463, 466, 470 Bộ luật dân sự** ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu O, buộc anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Lê Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ trả cho Trần Thị Thu O, ông Hồ Hoàng K 5 cây vàng 999 hiệu Ngọc Thiện phẩm, bà O không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Trần Thị Thu O có mặt; Bị đơn ông Phạm Văn H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Lê Thị Mỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Bị đơn đang cư trú tại: A Ấ, P. B, TP ., tỉnh Bình Định nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự .

[3] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn, chị O khai: Ngày 14/11/2001 vợ chồng anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Lê Thị Mỹ T có đến mượn vợ chồng chị O 10 cây vàng ,trong đó gồm 5 cây vàng 9999 và 5 cây vàng 97% Ngọc Thiện P, có viết giấy mượn vàng, anh H ký tên, không có lãi, mục đích mượn để làm ăn kinh doanh, thời hạn trả là cuối năm 2002, nhưng đến cuối năm 2002 anh H vẫn không trả như giao hẹn.

Đến từ năm 2003 đến năm 2006 anh H đã trả nhiều lần cho chị O bằng tiền mặt quy ra theo thời giá tại thời điểm là trả được 5 cây vàng 97% N, còn lại 05 cây vàng 9999 anh H chưa trả. Từ thời gian đó đến nay chị O đã nhiều lần đòi ông H trả số vàng còn lại nhưng ông H nói đang khó khăn trong việc kinh doanh nên cứ hẹn.

Lần cuối ngày 31/5/2024, chị O có gọi điện và nhắn tin vợ chồng anh H trả nợ thì anh H nói nhớ là đã trả hết rồi trong khi giấy nợ anh H viết bà O vẫn còn giữ.

Bị đơn, anh H khai: Anh H thống nhất có mượn vợ chồng chị O 5 cây vàng 9999 và 5 cây vàng 97% Ngọc Thiện P để mua xe tải kinh doanh, khi mượn có viết giấy và hẹn sang năm 2002 sẽ trả để vợ chồng chị O mua nhà.

Đến cuối năm 2002 do thu hồi tiền chưa đủ nên anh đem 5 cây vàng 97% xuống trả cho chị O, lúc đó chị O yêu cầu anh đưa thêm tiền cho đủ 5 cây vàng 9999 để chị O nộp thuế nên anh đưa thêm tiền, quy ra đã trả 5 cây vàng 9999. Còn nợ lại 05 cây vàng 97%, sau đó khoản năm 2006 đến năm 2007 anh trả cho chị O 3 cây vàng 97%, đến năm 2008 anh trả tiếp cho chị O 2 cây vàng 97% nữa là hết nợ.

Do chỗ bà con là chị em trong nhà nên khi trả anh không yêu cầu viết giấy và cũng do anh đã trả 03 lần nên không nhớ lấy lại giấy mượn vàng.

Nay chị O khởi kiện yêu cầu anh H trả cho bà số vàng còn lại là 50 chỉ vàng 9999 Ngọc Thiện P, anh H không chấp nhận.

HĐXX xét thấy: Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi suất; Chị O cho rằng sau khi vay anh H đã trả 05 cây vàng 97%, còn lại 05 cây vàng 9999 chưa trả; Anh H thì cho rằng sau khi vay đến cuối năm 2002 anh T1 cho chị O 5 cây vàng 9999, đến khoảng năm 2006 – 2007 anh trả cho chị O 3 cây vàng 97%, năm 2008 anh trả tiếp cho chị O 2 cây vàng 97% nữa là hết nợ, nhưng anh không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh cho việc anh đã trả hết 05 cây vàng 97% và 05 cây vàng 9999 cho chị O. Chị O chỉ thừa nhận anh H đã trả cho chị 05 cây vàng 97%, còn 05 cây vàng 9999 hiệu Ngọc Thiện phẩm chưa trả, hiện nay giấy mượn vàng chị O vẫn còn giữ, chị O yêu cầu anh H, chị T trả cho chị 05 cây vàng 9999 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Đối với tiền lãi chị O không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

Xét lời khai của chị T tại bản khai ngày 08/11/2024 chị T cho rằng việc anh H có vay mượn của chị O như thế nào, vay để làm gì chị không biết, sau khi trả như thế nào chị không biết. Xét thấy: Anh H và chị T là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, anh H mượn vàng của chị O, để mua xe kinh doanh, chị T là vợ anh H thì đương nhiên phải biết việc anh H mượn vàng làm ăn kinh doanh nhưng chị T cho rằng chị không biết là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Anh H và chị T có nghĩa vụ trả nợ cho chị O, anh K 05 cây vàng 9999 (Theo bản giá vàng 9999 hiệu Ngọc Thiện phẩm hiện nay là 94.000.000 đồng/cây x 5 cây = 470.000.000 đồng) nên anh H và chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 22.800.000 đồng.

- Chị O được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên hoàn trả cho chị O 10.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000448, ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phù hợp nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- **Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự;**

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu O.

1.1. Buộc anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Lê Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Thu O và anh Hồ Hoàng K 05 cây vàng 9999 hiệu Ngọc Thiện P.

1.2. Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) **hoặc kể từ ngày có** đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Buộc anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Lê Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 22.800.000 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả cho chị Trần Thị Thu O 10.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000448, ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Chị O, anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án; Anh H và chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

-VKSND Tp. Quy Nhơn
-TAND tænh Bình Nòngh;
-Nông sõi;
-Lõu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Trọng Hiên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Tại: trụ sở TAND TP. Quy Nhơn, Bình Định

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy;
2. Ông Phạm Ngọc Đông.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 212/2024/TLST-DS ngày 04/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thu Oanh, sinh năm 1977

Địa chỉ: 53 Trần Cao Vân, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, Bình Định

*** Bị đơn :** Anh Phạm Văn Hoàng, sinh năm 1967

Địa chỉ: 173 Âu Cơ, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hồ Hoàng Khanh, sinh năm 1969

Địa chỉ: 53 Trần Cao Vân, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, Bình Định

Đại diện theo uỷ quyền của anh Khanh: Chị Trần Thị Thu Oanh (Theo văn bản uỷ quyền ngày 11/11/2024)

2. Chị Nguyễn Lê Thị Mỹ Thuyên, sinh năm 1967

Địa chỉ: 173 Âu Cơ, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, Bình Định
(Chị Thuyên có đơn xin vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

- Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

- 1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu Oanh.

1.1. Buộc anh Phạm Văn Hoàng, chị Nguyễn Lê Thị Mỹ Thuyên phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Thu Oanh và anh Hồ Hoàng Khanh 05 cây vàng 9999 hiệu Ngọc Thiện Phẩm.

1.2. Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) **hoặc kể từ ngày có** đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

(Biểu quyết 3/3)

2. Về án phí:

2.1. Buộc anh Phạm Văn Hoàng và chị Nguyễn Lê Thị Mỹ Thuyên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 22.800.000 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả cho chị Trần Thị Thu Oanh 10.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000448, ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn

3. Về quyền kháng cáo: Ông Dũng, bà Nguyễn và bà Nguyệt, ông Ánh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Biểu quyết 3/3)

3. Về quyền kháng cáo: Chị Oanh, anh Khanh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án; Anh Hoàng và chị Thuyên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Biểu quyết 3/3)

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 45 phút, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

